



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kiều Diễm	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 5 tháng 8 năm 2020

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00287-20-1



Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		336.182.533.584	184.394.438.797
Tiền	110	7	32.882.264.482	13.615.200.518
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		125.200.000.000	14.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	125.200.000.000	14.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.367.297.137	48.300.124.369
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	104.680.443.288	43.581.573.819
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		936.684.064	3.756.436.175
Phải thu ngắn hạn khác	136		3.750.169.785	962.114.375
Hàng tồn kho	140	10(a)	66.968.923.150	107.954.776.828
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.764.048.815	524.337.082
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.764.048.815	524.337.082
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		772.301.211.523	710.555.261.776
Tài sản cố định	220		730.215.211.486	642.645.020.043
Tài sản cố định hữu hình	221	11	730.215.211.486	642.645.020.043
Nguyên giá	222		1.490.439.720.720	1.358.680.104.096
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(760.224.509.234)	(716.035.084.053)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(423.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.602.416.474	24.541.679.935
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.602.416.474	24.541.679.935
Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(b)	30.000.000.000	30.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.483.583.563	13.368.561.798
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.087.807.931	5.139.846.799
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		507.352.829	490.464.168
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	5.888.422.803	7.738.250.831
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.108.483.745.107	894.949.700.573

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		422.963.669.078	251.729.347.338
Nợ ngắn hạn	310		334.269.793.728	251.729.347.338
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14(a)	73.866.975.458	27.159.644.824
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.719.737	116.416.707
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	121.192.051.831	77.001.173.685
Phải trả người lao động	314		5.633.509.555	7.508.627.810
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	12.015.425.688	12.803.357.345
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.292.204.764	23.346.335.188
Vay ngắn hạn	320	18	98.335.632.000	91.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	5.871.274.695	12.293.791.779
Nợ dài hạn	330		88.693.875.350	-
Phải trả người bán dài hạn	331	14(b)	88.693.875.350	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		685.520.076.029	643.220.353.235
Vốn chủ sở hữu	410	20	685.520.076.029	643.220.353.235
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		198.919.825.757	156.620.102.963
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		157.684.319.519	15.564.055.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		41.235.506.238	141.056.047.022
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.108.483.745.107	894.949.700.573

Ngày 5 tháng 8 năm 2020

Người lập:


 Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




 Bùi Thị Nhựt
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	475.931.365.946	579.523.225.701
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	387.515.538	728.104.555
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	475.543.850.408	578.795.121.146
Giá vốn hàng bán	11	25	415.852.819.274	479.686.670.709
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		59.691.031.134	99.108.450.437
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.625.796.431	1.943.073.680
Chi phí tài chính	22		2.522.500.135	2.563.411.639
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.228.015.961	1.932.422.413
Chi phí bán hàng	25	26	5.229.699.536	4.582.060.588
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	6.122.423.125	7.933.021.099
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		48.442.204.769	85.973.030.791
Thu nhập khác	31		812.209.861	1.728.869.424
Chi phí khác	32		347.639.882	1.207.517.371
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		464.569.979	521.352.053
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		48.906.774.748	86.494.382.844
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.245.068.771	6.571.334.678
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(16.888.661)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		44.678.594.638	79.923.048.166
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	917	1.669

Ngày 5 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		48.906.774.748	86.494.382.844
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		44.189.425.181	42.127.439.776
Các khoản dự phòng	03		224.780.981	(146.502.888)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		34.230.620	67.242.854
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(2.433.710.801)	(1.006.728.884)
Chi phí lãi vay	06		2.228.015.961	1.932.422.413
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		93.149.516.690	129.468.256.115
Biến động các khoản phải thu	09		(61.662.704.658)	8.462.211.567
Biến động hàng tồn kho	10		42.610.900.725	11.854.832.598
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		82.283.495.205	(28.799.939.345)
Biến động chi phí trả trước	12		812.327.135	(2.450.152.183)
			157.193.535.097	118.535.208.752
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.258.875.330)	(2.056.635.829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.296.694.179)	(6.042.914.448)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.780.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.575.932.595)	(13.272.357.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		142.062.032.993	97.166.080.987
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(12.670.290.730)	(225.950.000)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(125.200.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		14.000.000.000	15.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		520.992.441	1.006.728.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(123.349.298.289)	15.780.778.884

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**


Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		278.425.826.059	293.890.627.160
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(271.593.388.059)	(402.451.807.160)
Tiền chi trả cổ tức	36		(6.285.684.400)	(20.445.504.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		546.753.600	(129.006.684.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		19.259.488.304	(16.059.824.929)
Tiền đầu kỳ	60		13.615.200.518	55.619.535.660
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		7.575.660	357.146
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	32.882.264.482	39.560.067.877

Ngày 5 tháng 8 năm 2020

Người lập:


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 197 nhân viên (1/1/2020: 196 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia; Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

6. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Các bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty được phân biệt dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng VND
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020			
Doanh thu	392.735.319.658	82.808.530.750	475.543.850.408
Giá vốn	(350.686.352.984)	(65.166.466.290)	(415.852.819.274)
	42.048.966.674	17.642.064.460	59.691.031.134
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019			
Doanh thu	521.556.104.696	57.239.016.450	578.795.121.146
Giá vốn	(436.466.969.193)	(43.219.701.516)	(479.686.670.709)
	85.089.135.503	14.019.314.934	99.108.450.437

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	122.702.162	274.597.888
Tiền gửi ngân hàng	32.759.562.320	13.340.602.630
	<hr/>	<hr/>
	32.882.264.482	13.615.200.518
	<hr/>	<hr/>

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,4% đến 6,7% một năm (1/1/2020: 7,3% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 8,3% một năm (1/1/2020: 8,3% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị là 30.000 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	94.218.518.779	27.728.275.300
Công ty TNHH Amico Gold	4.895.824.508	10.008.909.503
Elixir Signature Pty Ltd	-	4.663.008.000
Các khách hàng khác	5.566.100.001	1.181.381.016
	104.680.443.288	43.581.573.819

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i> Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	94.218.518.779	27.728.275.300

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.236.733.238	-	-	-
Nguyên vật liệu	33.754.338.135	-	33.662.610.384	-
Công cụ và dụng cụ	5.081.216.375	-	8.652.670.453	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.833.551.409	-	27.337.711.621	-
Thành phẩm	7.063.083.993	-	38.301.784.370	-
	66.968.923.150	-	107.954.776.828	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 64.732 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2020: 107.955 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	12.653.127.197	(6.764.704.394)	14.278.174.244	(6.539.923.413)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	6.539.923.413
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.464.317.867
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.239.536.886)
Số dư cuối kỳ	6.764.704.394

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	255.466.004.995	1.092.637.239.215	9.372.683.292	659.276.541	544.900.053	1.358.680.104.096
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.741.806.138	118.017.810.486	-	-	-	131.759.616.624
Số dư cuối kỳ	269.207.811.133	1.210.655.049.701	9.372.683.292	659.276.541	544.900.053	1.490.439.720.720
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	90.341.291.901	616.720.853.193	8.019.345.280	625.210.879	328.382.800	716.035.084.053
Khấu hao trong kỳ	5.536.710.934	38.399.880.412	226.610.745	10.757.574	15.465.516	44.189.425.181
Số dư cuối kỳ	95.878.002.835	655.120.733.605	8.245.956.025	635.968.453	343.848.316	760.224.509.234
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	165.124.713.094	475.916.386.022	1.353.338.012	34.065.662	216.517.253	642.645.020.043
Số dư cuối kỳ	173.329.808.298	555.534.316.096	1.126.727.267	23.308.088	201.051.737	730.215.211.486

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 14.277 triệu VND (1/1/2020: 11.274 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	24.541.679.935
Tăng trong kỳ	109.820.353.163
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(131.759.616.624)
Số dư cuối kỳ	<u>2.602.416.474</u>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Dây chuyền chiết lon bia	2.125.734.169	22.082.866.000
Hệ thống xử lý nước thải	-	2.044.448.116
Các công trình khác	476.682.305	414.365.819
	<u>2.602.416.474</u>	<u>24.541.679.935</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.417.287.869	3.722.558.930	5.139.846.799
Phân bổ trong kỳ	(819.939.389)	(1.232.099.479)	(2.052.038.868)
Số dư cuối kỳ	<u>597.348.480</u>	<u>2.490.459.451</u>	<u>3.087.807.931</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán ngắn hạn****(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	55.971.873.891	6.819.807.138
Công ty TNHH Thái Tân	3.859.209.164	4.429.478.160
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	835.120.951	7.102.870.910
Các nhà cung cấp khác	13.200.771.452	8.807.488.616
	<u>73.866.975.458</u>	<u>27.159.644.824</u>

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	55.971.873.891	6.819.807.138
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	2.172.564.548
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	61.380.000
	<u>-</u>	<u>2.233.944.548</u>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải trả người bán dài hạn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Krones AG	88.693.875.350	-
	<u>88.693.875.350</u>	<u>-</u>

Phải trả dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị là 30.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 8(b)). Khoản phải trả người bán dài hạn này sẽ được thanh toán vào ngày 18 tháng 9 năm 2022.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	67.346.216.885	371.991.038.819	(334.568.713.590)	104.768.542.114
Thuế giá trị gia tăng	6.460.184.726	77.347.147.707	(70.569.098.161)	13.238.234.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.182.940	4.245.068.771	(4.296.694.179)	2.828.557.532
Thuế thu nhập cá nhân	314.589.134	1.615.714.433	(1.573.585.654)	356.717.913
	77.001.173.685	455.198.969.730	(411.008.091.584)	121.192.051.831

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	8.486.458.054	8.517.317.423
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.188.362.845	941.193.600
Chi phí khác	2.340.604.789	3.344.846.322
	12.015.425.688	12.803.357.345

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	15.054.317.800	21.340.002.200
Phải trả khác	2.237.886.964	2.006.332.988
	17.292.204.764	23.346.335.188

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong kỳ		30/6/2020	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	91.500.000.000	278.425.826.059	(271.593.388.059)	3.194.000	98.335.632.000	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	5,2%	90.900.000.000	91.500.000.000
Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	USD	3,5%	7.435.632.000	-
			98.335.632.000	91.500.000.000

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 180.000 triệu VND và được bảo đảm bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 64.732 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 107.955 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và không có bảo đảm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	12.293.791.779	16.803.773.395
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(1.064.216.556)	630.000.000
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	3.393.088.400	4.824.388.482
Sử dụng trong kỳ	(8.751.388.928)	(14.391.067.493)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.871.274.695	7.867.094.384

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	450.000.000.000	36.600.250.272	115.194.055.941	601.794.306.213
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	79.923.048.166	79.923.048.166
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(630.000.000)	(630.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(4.824.388.482)	(4.824.388.482)
Cổ tức	-	-	(99.000.000.000)	(99.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2019	450.000.000.000	36.600.250.272	90.662.715.625	577.262.965.897
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	70.781.775.820	70.781.775.820
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.824.388.482)	(4.824.388.482)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	450.000.000.000	36.600.250.272	156.620.102.963	643.220.353.235
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	44.678.594.638	44.678.594.638
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	1.064.216.556	1.064.216.556
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.393.088.400)	(3.393.088.400)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	450.000.000.000	36.600.250.272	198.919.825.757	685.520.076.029

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.697.578.275	1.697.578.275
Từ hai đến năm năm	6.790.313.099	6.790.313.099
Sau năm năm	38.579.210.378	39.425.674.066
	47.067.101.752	47.913.565.440

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Ngoại tệ**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	494.335	11.432.117.966	59.312	1.370.031.391
EUR	682	17.659.728	682	17.659.543
		<u>11.449.777.694</u>		<u>1.387.690.934</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.313.000.000	94.854.826.004

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	472.712.023.706	575.032.649.421
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	844.703.062.525	1.041.767.036.954
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(371.991.038.819)	(466.734.387.533)
▪ Bán hàng hoá	-	145.444.920
▪ Bán phế liệu	3.219.342.240	4.345.131.360
	<u>475.931.365.946</u>	<u>579.523.225.701</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	387.515.538	728.104.555
Doanh thu thuần	<u>475.543.850.408</u>	<u>578.795.121.146</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	415.628.038.293	479.687.728.677
▪ Hàng hoá đã bán	-	145.444.920
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	224.780.981	(146.502.888)
	<hr/>	<hr/>
	415.852.819.274	479.686.670.709

26. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.101.775.914	3.245.370.529
Chi phí nhân viên	889.712.353	928.245.484
Chi phí khấu hao	13.098.483	13.098.483
Chi phí bán hàng khác	225.112.786	395.346.092
	<hr/>	<hr/>
	5.229.699.536	4.582.060.588

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	3.976.378.565	5.091.218.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	550.025.572	712.684.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	484.468.743	955.999.568
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	154.711.619	264.825.638
Thuế và lệ phí	13.472.923	65.705.496
Chi phí quản lý khác	943.365.703	842.588.055
	<hr/>	<hr/>
	6.122.423.125	7.933.021.099

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	315.962.640.893	416.359.003.823
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.189.425.181	42.127.439.776
Chi phí nhân công và nhân viên	19.146.494.751	21.648.820.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.382.003.457	8.933.027.015
Chi phí khác	2.577.165.791	2.515.345.919

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Kỳ hiện hành	3.737.288.259	6.571.334.678
Dự phòng thiếu trong những năm trước	507.780.512	-
	4.245.068.771	6.571.334.678
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(16.888.661)	-
	4.228.180.110	6.571.334.678

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	48.906.774.748	86.494.382.844
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.336.016.212	12.974.157.427
Chi phí không được khấu trừ thuế	104.782.984	168.511.930
Dự phòng thiếu trong những năm trước	507.780.512	-
Ưu đãi thuế	(3.720.399.598)	(6.571.334.679)
	4.228.180.110	6.571.334.678

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b, Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	44.678.594.638	79.923.048.166
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.393.088.400)	(4.824.388.482)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	41.285.506.238	75.098.659.684

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	763.661.193.160	974.182.694.780
Mua nguyên vật liệu	230.966.365.890	302.736.369.149
Cổ tức	-	65.890.000.000
Chuyển giao nguyên vật liệu	-	687.205.600
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức	-	2.566.667.400
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	-	2.328.000.000
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	148.800.000	331.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	567.362.720	250.567.330
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	-	103.796.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	121.200.000	88.650.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	87.801.542	23.138.182
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	591.784.000	1.393.669.259
Cổ tức	-	4.823.522.000
Ban Giám đốc		
Thù lao	2.272.203.000	4.101.036.516
Cổ tức	-	1.012.990.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	94.690.424.463	-

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 5 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



